

Bản án số: 67/2020/HS-ST

Ngày: 22/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Nam Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kiên Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Xuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

NGUYỄN HỮU T. (tên gọi khác: C.), sinh ngày: 02/10/1996, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: đường T, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu P. và bà Hồ Thị A.; vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2019.

- *Bị hại:* Bà Lương Ngọc D., sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Đường N, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông NLQ1, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Đường B, Phường K, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Bà NLQ2, sinh năm 1962.

Hộ khẩu thường trú: Đường T, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Đường T, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 30/8/2015, bị cáo Nguyễn Hữu T. điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Luvias, màu trắng, biển số 59L1-607.07 chở bị can Nguyễn Trọng K. đến ngã tư P - Q, Quận 3 thì thấy chị Lương Ngọc D. điều khiển mô tô hiệu Honda SH, biển số 59F1-630.71 chạy cùng chiều phía trước, trên cổ chị D. có đeo một sợi dây chuyền màu trắng. Lúc này, bị can K. rủ bị cáo T. giật sợi dây chuyền trên thì bị cáo đồng ý. Cả hai bám theo chị D. đến trước đường P, Phường U, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị cáo T. từ phía sau chạy áp sát phía bên trái rồi bị can K. dùng tay phải giật sợi dây chuyền của chị D., theo phản xạ chị D. đẩy tay bị can K. ra nên bị can K. không giật được. Do mất thăng bằng nên chị D. ngã xuống đường thì bị một xe mô tô khác từ phía sau chạy tới đụng vào bị xây sát. Sau khi không giật được tài sản, bị cáo T. và bị can K. chạy về đường T rồi cả hai đi về nhà. Đến ngày 08/9/2015, chị D. đến Công an Phường 6, Quận 3 trình báo. Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 3 xác định bị cáo Nguyễn Hữu T. và bị can Nguyễn Trọng K. là người đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản tại trước đường P, Phường U, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh nên tiến hành khởi tố, bắt tạm giam các bị can để điều tra, xử lý. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 3, bị cáo Nguyễn Hữu T. khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đối với bị can Nguyễn Trọng K. đã bị truy nã theo Quyết định truy nã bị can số 02/CSĐT-HS ngày 17/3/2020 và có Quyết định tách vụ án Hình sự số 03/CSĐT-HS ngày 17/3/2020 của Công an Quận 3.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 67/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 06/5/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 3, kết luận 01 (một) sợi dây chuyền dài 40 cm, bằng vàng trắng, trọng lượng 0,3398 lượng, hàm lượng vàng 75,22 % vào thời điểm tháng 8/2015 có giá là 8.168.792 đồng (tám triệu một trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm chín mươi hai đồng).

Tại Bản cáo trạng số 27/CT-VKS-HS ngày 08 tháng 4 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T. về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng trắng dài 40 cm, trọng lượng 0,3398 lượng, hàm lượng vàng 75,22% đã trả lại cho bị hại – chị Lương Ngọc D. theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 19/3/2016 của Công an Quận 3.

- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha hiệu Luvias; màu trắng, biển số 59L1-607.07, số máy: 44S1-071263, số khung: RLCL44S10DY071255. Qua xác minh, chủ sở hữu xe là ông NLQ1 cho Nguyễn Hữu T. mượn nhưng không biết bị cáo T. sử dụng làm phương tiện cướp giật tài sản. Ngày 03/02/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 3 trả lại xe cho ông Hoàng;

- 01 (một) chiếc xe hai bánh hiệu Honda loại Vision, số máy JF86E2112573, số khung 5838KY048123, biển số: 59L2: 884.88 và 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 11 Promax (màu trắng) số Imel: 35389410077385 đã được Công an Quận 3 trả lại cho bà NLQ2 theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 02/01/2020.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị cáo Nguyễn Hữu T. có lời khai phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại chị Lương Ngọc D. vắng mặt, không có yêu cầu bồi thường và có đơn bãi nại cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà NLQ2 đã nhận lại tài sản là 01 (một) chiếc xe hai bánh hiệu Honda loại Vision, số máy JF86E2112573, số khung 5838KY048123, biển số: 59L2: 884.88 và 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 11 Promax (màu trắng) số Imel: 35389410077385 và không yêu cầu gì trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T. về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T. từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an Quận 3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 07 giờ 30 ngày 30/8/2015, bị cáo Nguyễn Hữu T. điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Luvias, màu trắng, biển số 59L1-607.07 chở bị can Nguyễn Trọng K. đến ngã tư P - Q, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thì thấy bị hại chị Lương Ngọc D. điều khiển mô tô hiệu Honda SH, biển số 59F1-630.71 chạy cùng chiều phía trước, trên cổ chị D. có đeo một sợi dây chuyền màu trắng. Lúc này, bị can K. rủ bị cáo T. giật sợi dây chuyền trên thì bị cáo T. đồng ý. Cả hai bám theo chị D. đến trước số đường P, Phường U, Quận F, Thành phố Hồ

Chí Minh thì bị cáo T. từ phía sau chạy áp sát phía bên trái của chị D. để bị can K. dùng tay phải vươn qua vai trái của chị D.. Khi bị can K. mới đụng vào vai trái của chị D. thì theo phản xạ chị D. đẩy tay đối tượng Khoa ra nên đối tượng Khoa không giật được. Do mất thăng bằng nên chị D. ngã xuống đường thì bị một xe mô tô khác từ phía sau chạy tới đụng. Sau khi không giật được tài sản, bị cáo T. và bị can K. chạy về đường T rồi cả hai đi về nhà. Đến ngày 08/9/2015, chị D. đến Công an Phường 6, Quận 3 trình báo. Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 3 xác định bị cáo Nguyễn Hữu T. và bị can Nguyễn Trọng K. là người đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản tại trước số đường P, Phường U, Quận F nên tiến hành khởi tố, bắt tạm giam các bị can để điều tra, xử lý. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 3, bị cáo Nguyễn Hữu T. khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 67/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 06/5/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 3, kết luận 01 (một) sợi dây chuyền dài 40 cm, bằng vàng trắng, trọng lượng 0,3398 lạng, hàm lượng vàng 75,22 % vào thời điểm tháng 8/2015 có giá là 8.168.792 đồng (tám triệu một trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm chín mươi hai đồng).

[3] Bị cáo Nguyễn Hữu T. có năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện nên có lỗi cố ý.

[4] Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu T. đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân.

[5] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Hữu T. đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Hữu T. đã phạm tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009

[6] Về tình tiết giảm nhẹ:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hữu T. thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T. lần đầu phạm tội, tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 19 tuổi và bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Do đó, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo T..

Xét thấy trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, do bị hại – chị D. cảnh giác nên khi bị can K. chạm vào vai trái của chị thì chị đẩy tay đối tượng K. ra nên bị cáo T. và bị can K. không thực hiện được hành vi cướp giật tài sản nên đây là trường hợp phạm tội chưa đạt. Do đó áp dụng Điều 18 và khoản 3 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 trong việc quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ hình phạt tại Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đồng thời vai trò của bị cáo chỉ

là giúp sức và nghe theo lời rủ rê của bị can K. do đó áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 xem xét mức hình phạt nhẹ hơn khung hình phạt theo quy định cho bị cáo.

[7] Bị cáo Nguyễn Hữu T. và bị can Nguyễn Trọng K. cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ. Theo quy định tại Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 xác định đây chỉ là đồng phạm giản đơn.

[8] Bị can Nguyễn Trọng K. bị truy nã theo Quyết định truy nã bị can số 02/CSĐT-HS ngày 17/3/2020 và có Quyết định tách vụ án Hình sự số 03/CSĐT-HS ngày 17/3/2020 của Công an Quận 3. Do đó khi nào bắt được bị can K. sẽ xử lý sau.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng trắng dài 40 cm, trọng lượng 0,3398 lượng, hàm lượng vàng 75,22% đã trả lại cho chị D. theo biên bản trả lại tài sản ngày 19/3/2016 của Công an Quận 3.

- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha hiệu Luvias; màu trắng, biển số 59L1-607.07, số máy: 44S1-071263, số khung: RLCL44S10DY071255. Qua xác minh, chủ sở hữu xe là anh NLQ1. Anh NLQ1 cho bị cáo Nguyễn Hữu T. mượn nhưng không biết bị cáo T. sử dụng làm phương tiện cướp giật tài sản. Ngày 03/02/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 3 trả lại xe cho ông NLQ1;

- 01 (một) chiếc xe hai bánh hiệu Honda loại Vision, số máy JF86E2112573, số khung 5838KY048123, biển số: 59L2: 884.88 là tài sản của bà NLQ2 nên đã được trả lại cho bà NLQ2. Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 11 Promax (màu trắng) số Imel: 35389410077385 là tài sản cá nhân của bị cáo T. và bị cáo T. đồng ý giao trả cho bà NLQ2 (mẹ của bị cáo) nên đã được Công an Quận 3 trả lại theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 02/01/2020.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại – chị Lương Ngọc D. vắng mặt tại phiên tòa và có không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Hữu T. phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 18, Điều 20, Điều 45, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 47, Khoản 3 Điều 52, điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T. phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T. 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành án tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 31/12/2019.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Hữu T. phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 331, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND Quận 3;
- TAND TP.HCM ;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Công an Quận 3;
- PC53-CATP.HCM
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Nam Phương